TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 02 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 579/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lâm Hoàng Đ; Sinh năm 1983; Cư trú tại: Ấp H Đ, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Hồ Thanh T; Sinh năm 1987; Cư trú tại: Ấp M Đ B, xã T A K, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án anh Đ trình bày*:

- Về hôn nhân: Anh Lâm Hoàng Đ chung sống với chị Hồ Thanh T vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A K. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống, tình cảm không còn nên anh Đ yêu cầu được ly hôn chị T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lâm Kiều Đoan, sinh ngày 29/10/2015 và Lâm Khánh Ngọc, sinh ngày 23/12/2016. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi Lâm Kiều Đoan, giao Lâm Khánh Ngọc cho chị T nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với chị Hồ Thanh T*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T biết về yêu cầu khởi kiện của anh Đ nhưng chị T không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lâm Hoàng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Hồ Thanh T đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ và chị T chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Đ xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, hiện tại tình cảm không còn gắn bó yêu thương, ly thân khoảng 04 năm nay nhưng hai bên không ai có động thái hàn gắn. Đối chiếu các quy định pháp luật về việc vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tính đến hiện tại, anh chị có thời gian ly thân nhau khá lâu nhưng vẫn không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống, chị T cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị là thực tế có xảy ra đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh Đ được ly hôn với chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Đ có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lâm Kiều Đoan, giao cháu Lâm Khánh Ngọc cho chị T nuôi dưỡng, xét yêu cầu này của anh Đ là phù hợp quy định pháp luật cần được chấp nhận. Bởi lẻ, cháu Đoan có nguyện vọng sống cùng anh Đ và từ khi ly thân với chị T đến nay cháu Đoan do anh Đ nuôi dưỡng còn cháu Ngọc do chị T nuôi dưỡng, anh chị vẫn đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần cho các con chung. Mặt khác, chị T cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu nuôi con của anh Đ. Nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định và tốt nhất cho các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao các con chung Lâm Kiều Đoan cho anh Đ và Lâm Khánh Ngọc cho chị T cùng tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh Đ xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Hoàng Đ.

1.1. Về hôn nhân: Cho anh Lâm Hoàng Đ được ly hôn chị Hồ Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lâm Kiều Đoan, sinh ngày 29/10/2015 cho anh Lâm Hoàng Đ và cháu Lâm Khánh Ngọc, sinh ngày 23/12/2016 cho chị Hồ Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lâm Hoàng Đ và chị Hồ Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Hoàng Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013436 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)